

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 01 (Đợt 2)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 30 – 31/01/2021

Ngày cung cấp TT: 31/01/2021

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống mở.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống mở.
4	4	Cống sông Chanh	Cống mở.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đập đóng.
11	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cổng Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Cầu đường 10 với sông Sắt, TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Đập Vùa (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Sông Chanh, Đập An Bài (sông Châu Giang).**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 22°C, độ ẩm 81%, gió ĐN 12 km/h, mật độ mây 82%. Dòng chảy vừa, cống mở lấy nước vào nội đồng, trạm bơm đang lấy nước tưới, bơm lấy	7.4	23.5	7.9	0.1	0.070	0.045	176	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
			nước tưới. Nước màu vàng xanh.								thực vật thủy sinh.
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 22°C, độ ẩm 81%, gió ĐN 12 km/h, mật độ mây 76%. Cổng mở lấy nước vào nội đồng, dòng chảy nhanh. Nước màu vàng đục.	7.37	20.1	7.4	0.1	0.109	0.162	190	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 100%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 65%. Dòng chảy nhanh, cổng mở lấy nước vào, trạm bơm đang hoạt động lấy nước tưới. Nước vàng đục.	7.61	25.2	6.41	0.1	0.179	0.110	181	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	Cổng Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 100%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 66%. Cổng mở lấy nước vào, dòng chảy vừa, nước đang lấy vào nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.41	33.5	5.54	0.2	0.326	0.270	281	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
											thủy sinh.
5	Cổng Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời âm u, t° = 22°C, độ ẩm 83%, gió ĐN 17 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	7.29	43	6.1	0.3	0.155	0.223	436	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 82%, gió ĐN 19 km/h, mật độ mây 100%. Trạm bơm đang hoạt động lấy nước tưới, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu vàng đục.	7.23	53.8	6.1	0.2	0.132	0.178	358	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	Cổng Cổ Đàm	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đàm, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 82%, gió ĐN 20 km/h, mật độ mây 100%. Cống đóng, trạm bơm đang lấy nước tưới, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu vàng đục.	7.22	66.2	6.84	0.2	0.132	0.146	319	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9	15			
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 20°C, độ ẩm 91%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 78%. Cổng đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Mục nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Cổng Vĩnh Trị 1 đang sửa. Nước màu vàng đục.	7.32	25.1	6.47	0.1	0.171	0.196	247	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 100%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 66%. Dòng chảy chậm, Nước chảy từ Sông Chanh vào. Nước màu vàng lục.	7.28	28.2	6.19	0.1	0.132	0.200	183	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 77%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 90%. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân cầu có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước màu xanh vàng.	6.82	12.6	6.5	0.1	0.101	0.158	246	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, t° = 20°C, độ ẩm 89%, gió Đông 8 km/h, mật độ mây 81%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước đầy. Chân cầu có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng đục.	6.84	14.7	6.42	0.1	0.140	0.126	250	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 78%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 91%. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao hơn. Thượng lưu cống có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.	6.84	13.3	5.83	0.1	0.085	0.101	239	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 77%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 93%. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Thượng lưu đập nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.15	9.6	6.45	0.1	0.101	0.135	249	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 85%, gió	6.53	14	6.25	0.3	0.140	0.068	374	Đủ điều kiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
		thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	ĐN 10 km/h, mật độ mây 80%. Nước đứng, không có dòng chảy. Dưới chân đập có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.								dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, đập đóng. Thượng lưu công có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	6.97	10	6.06	0.2	0.163	0.153	300	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 83%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 86%. Không có dòng chảy, đập đóng. Hai bên bờ kênh có nhiều rác thải, ở chân đập có váng dầu. Nước màu xanh xám.	6.75	8.8	6.7	0.3	0.085	0.162	378	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	Cầu Chủ (sông	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 79%, gió ĐN 10 km/h, mật độ	6.9	10.9	7.25	0.1	0.085	0.090	212	Đủ điều kiện dùng cho tưới,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
	Châu Giang)	Nhân.	mây 89%. Dòng chảy chậm từ Hữu Bị về. Chân cầu có nhiều bèo. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ dọc sông. Nước màu xanh lục.								tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 83%, gió ĐN 20 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm về Cổ Đam. Trên kênh nhiều bèo trôi. Nước màu vàng lục.	6.87	16.7	4.85	0.3	0.210	0.270	403	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 100%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 65%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước đầy. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải của Khu công nghiệp Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	6.91	25.9	6.15	1.1	0.474	8.775	1350	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 87%, gió ĐN 9 km/h, mật độ	6.78	28.9	6.7	0.2	0.093	0.176	335	Đủ điều kiện dùng cho tưới,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2015 A1	6 – 8.5		6		0.3	2		
			QCVN 08:2015 A2	6 – 8.5		5		0.3	5		
			QCVN 08:2015 B1	5.5 – 9		4		0.9	10		
			QCVN 08:2015 B2	5.5 – 9		2		0.9	15		
		cho khu vực huyện Vụ Bản.	mây 81%. Dòng chảy từ sông Tiên Hương vào. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải từ hộ chăn nuôi ngay chân cầu. Nước màu vàng lục.								tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2021

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC